TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày 08 tháng 3 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

1. Ông Nguyễn Vũ Bằng
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Quốc K, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh C ..

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2022, biên bản làm việc và xin vắng mặt ngày 01/3/2022 nguyên đơn ông Huỳnh Quốc K trình bày:

Vào năm 2018, ông K có hỏi vay dùm cho chị Nguyễn Mai Thảo (con ruột của bà Lê Thị L) số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/tháng (không có làm biên nhận). Sau khi nhờ ông vay tiền chị Thảo không đóng lãi, ông đóng lãi cho chủ nợ là 12 tháng, số tiền 12.000.000 đồng. Ông đòi nhiều lần nhưng chị Thảo không trả. Ông có yêu cầu đến chính quyền địa phương giải quyết.

Đến ngày 03/3/2020, bà Lê Thị L là mẹ ruột của chị Thảo đứng ra cam kết trả số tiền 10.000.000 đồng và hứa trả trong 02 đợt (cuối tháng 3/2020 trả 5.000.000 đồng, cuối tháng 4/2020 trả 5.000.000 đồng) nhưng sau đó chỉ trả được 1.000.000 đồng đến nay không trả.

Tại khởi kiện ông Huỳnh Quốc K yêu bà L và chị Thảo trả số tiền 22.000.000 đồng nay ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Lê Thị L trả số tiền 9.000.000 đồng.

- *Tại biên bản làm việc và xin vắng mặt ngày 22/02/2022, bị đơn bà Lê Thị L trình bày*: Bà thống nhất số tiền theo tờ cam kết ngày 03/3/2020 và thừa nhận có nhận cam kết số tiền 10.000.000 đồng mà chị Thảo nợ ông K. Tuy nhiên, trong đó 5.000.000 đồng tiền vốn và 5.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó bà có gửi trả 1.000.000 đồng, còn lại 9.000.000 đồng bà đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh gia đình đi làm thuê xin trả mỗi tháng 500.000 đồng. Đối với số tiền lãi 12.000.000 đồng, bà không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Bà Lê Thị L có nơi cư trú tại ấp Rạch Lăng, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng bão lãnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Huỳnh Quốc K và bà Lê Thị L có đơn xin vắng mặt, Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

-*Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Liên quan đến số tiền mà chị Nguyễn Mai Thảo nhờ ông K vay trước đây nhưng do bà L đứng ra bảo lãnh theo tờ cam kết ngày 03/3/2020, khi thực hiện cam kết, bà L đã trả được 1.000.000 đồng cho ông K, còn thiếu lại 9.000.000 đồng nên ông K khởi kiện yêu cầu bà L tiếp tục thanh toán số tiền còn lại. Như vậy, quan hệ tranh chấp là tranh chấp bảo lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429; Điều 335 và khoản 1 Điều 342 của Bộ luật dân sự 2015;

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo ông K trình bày, vào năm 2018, chị Nguyễn Mai Thảo có nhờ ông vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000

đồng/tháng. Do quen biết đi làm chung Công ty với nhau nên không có làm văn bản. Từ khi vay phía chị Thảo không có trả vốn và lãi. Đến ngày 03/3/2020, bà Lê Thị L là mẹ ruột của chị Thảo đứng ra làm cam kết bảo lãnh trả số tiền 10.000.000 đồng, sau đó trả được 1.000.000 đồng đến nay không trả nữa.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại biên bản làm việc và xin vắng mặt ngày 01/3/2022, ông K thay đổi một phần khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho ông số tiền còn lại 9.000.000 đồng, còn lãi suất ông không yêu cầu. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử ông có cung cấp cho Tòa án tờ cam kết ghi ngày 03/3/2020, có thể hiện nội dung cam kết chịu trách nhiệm trả số tiền 10.000.000 đồng cho ông K, bà đã trả được 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại 9.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 22/02/2022, bà L thừa nhận có làm tờ cam kết ngày 03/3/2020 nhận trả số tiền 10.000.000 đồng, bà đã trả được 1.000.000 đồng, còn lại 9.000.000 đồng bà đồng ý trả nhưng do điều kiện gia đình làm thuê nên không có khả năng trả, yêu cầu được trả 500.000 đồng/tháng.

Xét, giao dịch vay tiền giữa ông K với chị Thảo thực tế không có xác lập bằng văn bản nhưng được bà L thừa nhận tại tờ cam kết ngày 03/3/2020 nên đây được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời thừa nhận của bà L là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với tổng số tiền buộc trả cho nguyên đơn; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 196, Điều 205, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 244, Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 335; Điều 336 và khoản 2 Điều 342; Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Buộc bà Lê Thị L trả cho ông Huỳnh Quốc K số tiền 9.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Huỳnh Quốc K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị L không thi hành xong khoản tiền trên, bà Lê Thị L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu số tiền 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*); Ông Huỳnh Quốc K được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004369 ngày 10/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công